

Tên Doanh nghiệp:.....  
 Số Công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT (nếu có):... Ngày cấp:... Nơi cấp:..  
 Địa chỉ ĐKKD:.....  
 Số điện thoại: .....; Email:.....  
 Người liên hệ:....., Số điện thoại:.....Email:.....

**BẢNG BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO NĂM 2023-2024**

Kính gửi : Sở Y tế Bắc Giang

*Đơn vị tính: VND*

STT	STT theo TT 04	Mã số theo nhóm	Tên danh mục, chủng loại	Phân nhóm theo TT14 (nếu có)	Tên Thương mại (nếu có)	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Số lưu hành hoặc GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Công bố giá kê khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế		Giá trúng thầu từ tháng 4/2022 đến nay					
															Giá kê khai	Ngày kê khai - Ngày hết hiệu lực kê khai	Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/ BV)	Giá trúng thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/ BV)	Giá trúng thầu 3	Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/ BV)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>I. DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ THUỘC THÔNG TƯ SỐ 04/2017/TT-BYT</b>																						
1	1	N01.01.010	Bông mở	6	Bông không thấm nước	.....	.....	.....	A	Túi 01kg	.....	.....	Kg	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
...																						
<b>II. DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ KHÔNG THUỘC THÔNG TƯ SỐ 04/2017/TT-BYT</b>																						
1																						
...																						
<b>III. DANH MỤC HÓA CHẤT</b>																						
1																						
...																						
<b>IV. DANH MỤC SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO</b>																						
1																						
...																						

....., ngày..... tháng ..... năm 2022

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

- \* Ghi chú:**  
**- Từ viết tắt:**  
 + TT04: Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm Y tế;  
 + TT14: Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;  
 + STT: Số thứ tự; TTBYT: Trang thiết bị y tế; GPNK: Giấy phép nhập khẩu; SYT/BV: Sở Y tế/ Bệnh viện.
- **Cột 2:** Ghi số thứ tự tương ứng Cột (1) Phụ lục 01 Thông tư số 04/2017/TT-BYT, chỉ điền đối với danh mục là vật tư y tế thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT.  
 - **Cột 3:** Ghi mã số theo nhóm tương ứng Cột (2) Phụ lục 01 Thông tư số 04/2017/TT-BYT, chỉ điền đối với danh mục là vật tư y tế thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT.  
 - **Cột 5:** Ghi Phân nhóm theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BYT (gồm các nhóm từ 1 đến 6).  
 - **Cột 9:** Ghi Số lưu hành TTBYT (Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với TTBYT thuộc loại A, B; Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với TTBYT thuộc loại C, D) hoặc Số Giấy phép nhập khẩu đối với TTBYT quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP.  
 - **Cột 10:** Ghi Phân loại Trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý Trang thiết bị y tế.  
 - **Cột 18-20-22:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất.  
 - **Cột 19-21-23:** Ghi không quá 03 tên SYT/BV.  
 Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.